

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục, số lượng, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu: **Mua sắm hàng hoá thực hiện mô hình khuyến nông năm 2022 cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-SNN ngày 10/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-SNN ngày 06/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết kinh phí hoạt động khuyến nông từ nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2022 cho Trung tâm Khuyến nông;

Căn cứ Công văn số 1177/STC-QLG ngày 16/5/2022 của Sở Tài Chính về việc trả lời kết quả thẩm định giá con giống, cây giống, vật tư và dịch vụ nông nghiệp để thực hiện mô hình khuyến nông 2022;

Theo đề nghị của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 63/TTr-KN ngày 08/6/2022; Báo cáo thẩm định số 08/BC-KHTC ngày 9/6/2022 của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục, số lượng, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Mua sắm hàng hoá thực hiện mô hình khuyến nông năm 2022 cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

I. Dự toán kinh phí: 3.350.287.500 đồng (*Ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

(Danh mục, số lượng, dự toán chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Chi tiết theo biểu 02 đính kèm)

Các nội dung khác thực hiện theo Báo cáo thẩm định số 08/BC-KHTC ngày 09/6/2022 của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

Điều 2. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (B/c);
- PGĐ Sở Lê Bá Thành;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Thành

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẮM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Đặc tính - Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Gói thầu số 1: Mua ong giống thực hiện mô hình phát triển chăn nuôi ong nội theo hướng VietGAHP nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu					
1	Giống ong nội	Đàn	<ul style="list-style-type: none"> - Đàn ong nội giống: là giống ong nội giống Apis cerana (3 cầu tiêu chuẩn), đủ trứng, ấu trùng, nhộng, đủ thức ăn dự trữ trong vòng một tuần, quân phủ kín hai mặt cầu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Đàn ong khỏe mạnh, không nhiễm bệnh thối ấu trùng; Ong chúa ≤ 6 tháng tuổi, có chứng nhận nguồn gốc từ những ong chúa được chọn lọc và lai tạo bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; có công bố tiêu chuẩn cơ sở. - Khối lượng chúa đẻ ≥ 190mg; Sức đẻ trứng ≥ 400 trứng/ngày/đêm; Năng suất mật ≥ 15 kg/đàn/năm. - Đàn ong giống được bảo hành bệnh thối ấu trùng Châu Âu European, bệnh thối ấu trùng túi Sacbrood trong vòng 20 ngày kể từ ngày bàn giao. - Thùng nuôi: làm bằng gỗ khô, không bị vênh, không mọt,..nhẹ, dễ thoát hơi nước, kích thước được tiêu chuẩn hoá để sử dụng cho khung cầu ong nội có chiều dài xà trên là 42cm. 	155	1.500.000	232.500.000
Tổng giá trị						232.500.000
II	Gói thầu số 2: Mua thức ăn hỗn hợp thực hiện mô hình Chăn nuôi năm 2022					
1	Thức ăn cho gà 0-3 tuần tuổi	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp thành phần thức ăn không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. - Protein ≥ 20% - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Thức ăn còn hạn sử dụng tối thiểu là 55 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. - Quy cách: 25kg/bao. 	1.890	16.800	31.752.000

2	Thức ăn cho gà từ 4 tuần tuổi đến xuất chuồng	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp thành phần thức ăn không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. - Protein \geq 17% - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Thức ăn còn hạn sử dụng tối thiểu là 55 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. - Quy cách: 25kg/bao. 	10.800	15.900	171.720.000
3	Thức ăn dùng cho trâu bò	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp thành phần thức ăn không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. - Protein thô: \geq 17% - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Thức ăn còn hạn sử dụng tối thiểu là 55 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. - Quy cách: 25kg/bao. 	20.169	13.500	272.281.500
Tổng giá trị						475.753.500
III	Gói thầu số 3: Mua con giống thực hiện mô hình thủy sản năm 2022					
1	Giống cá trắm cỏ	con	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 300 - 400 g/con. - Là giống cá trắm cỏ có kích thước đồng đều, khỏe mạnh, không dị hình, bơi lội hoạt bát, màu sắc cơ thể tươi sáng, không bị sây xát, không có dấu hiệu bệnh lý, có kiểm dịch của cơ quan quản lý nhà nước. - Con giống hợp quy theo quy định. - Nguồn gốc xuất xứ: có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được sản xuất từ các cơ sở sản xuất ương nuôi đủ điều kiện, có uy tín (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận). - Bảo hành tỷ lệ sống \geq 99% sau khi thả 20 ngày. 	10.000	18.000	180.000.000

2	Giống cá trắm đen	con	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 100 - 200 g/con - Là giống cá trắm đen có kích thước đồng đều, khỏe mạnh, không dị hình, bơi lội hoạt bát, màu sắc cơ thể tươi sáng, không bị sây xát, không có dấu hiệu bệnh lý, có kiểm dịch của cơ quan quản lý nhà nước. - Con giống hợp quy theo quy định. - Nguồn gốc xuất xứ: có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được sản xuất từ các cơ sở sản xuất ương nuôi đủ điều kiện, có uy tín (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận). - Bảo hành tỷ lệ sống $\geq 99\%$ sau khi thả 20 ngày. 	10.000	18.000	180.000.000
3	Giống cá rô phi	con	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước giống từ 5-6 cm/con. - Giống cá rô phi chất lượng cao, tỷ lệ cá đực > 95%, có kích thước đồng đều, không dị tật, có màu sắc đặc trưng, không có dấu hiệu bệnh lý, có kiểm dịch của cơ quan quản lý nhà nước. - Bảo hành chất lượng con giống cá rô phi sau 5-6 tháng nuôi theo quy trình đạt trọng lượng trung bình 1kg/con - Con giống hợp quy theo quy định. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ương nuôi đủ điều kiện (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận). - Bảo hành tỷ lệ sống $\geq 98\%$ sau khi thả 10 ngày. 	80.000	1.500	120.000.000
Tổng giá trị						480.000.000
IV	Gói thầu số 4: Mua thức ăn công nghiệp thực hiện mô hình thủy sản năm 2022					
1	Thức ăn công nghiệp dùng cho cá trắm đen	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp viên nổi dùng cho cá có trắm đen. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. - Độ đạm tối thiểu: $\geq 28\%$ - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Còn hạn sử dụng tối thiểu là 85 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. 	7.500	17.820	133.650.000
2	Thức ăn công nghiệp dùng cho	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp viên nổi dùng cho cá trắm cỏ. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. 	9.000	15.660	140.940.000

	cá trắm cỏ		<ul style="list-style-type: none"> - Độ đậm tối thiểu: $\geq 26\%$ - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Còn hạn sử dụng tối thiểu là 85 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. 			
3	Thức ăn công nghiệp dùng cho cá rô phi	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thức ăn công nghiệp viên nổi dùng cho cá rô phi. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Mùi vị: đặc trưng của nguyên liệu phối chế, không có mùi mốc và mùi lạ khác. - Độ đậm tối thiểu: $\geq 28\%$. - Các tiêu chuẩn khác theo công bố của nhà sản xuất. - Còn hạn sử dụng tối thiểu là 85 ngày kể từ ngày giao hàng. - Thức ăn được cấp chứng nhận hợp quy. 	21.840	17.900	390.936.000
Tổng giá trị						665.526.000
V	Gói thầu số 5: Mua giống keo lá tràm mô dòng AA9 và giống trà hoa vàng hom					
1	Giống keo lá tràm mô dòng AA9	cây	<ul style="list-style-type: none"> - Giống keo lá tràm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô. - Nguồn gốc vật liệu: Từ vườn cây đầu dòng được quy định trong TCVN 8760-1:2017 - Tuổi cây con: Từ 03 đến 04 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu. - Đường kính cổ rễ: Từ 0,3 cm đến 0,4 cm. - Chiều cao: Từ 30 cm - 40 cm - Bầu cây: Đường kính tối thiểu 7 cm, chiều cao tối thiểu 10 cm, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa là 01 cm, bầu không bị vỡ. - Số lá: Có ít nhất 08 lá hoàn chỉnh. - Hình thái chung: Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, không bị gãy dập, lá màu xanh. - Tình hình sâu bệnh hại: Không có dấu hiệu bị sâu bệnh hại. 	66.880	3.200	214.016.000

2	Giống trà hoa vàng hom	cây	<ul style="list-style-type: none"> - Giống trà hoa vàng được sản xuất bằng phương pháp giâm hom. - Đường kính cổ rễ $\geq 0,5$ cm - Chiều cao cây ≥ 30 cm - Kích thước bầu tối thiểu đường kính, chiều cao 6,0 cm x 10,0 cm - Cây giống sinh trưởng và phát triển tốt, không sâu bệnh, có ≥ 08 lá. 	7.200	36.340	261.648.000
Tổng giá trị						475.664.000
VI	Gói thầu số 6: Mua phân bón thực hiện mô hình khuyến nông					
1	Phân bón NPK 5-10-3+8S	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng viên; quy cách 25 kg/bao. - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng. + Đạm tổng số (N_{ts}): 5% + Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 10% + Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 3% + Lưu huỳnh (S): 8% + Độ ẩm: $\leq 5\%$ 	9.520	7.360	70.067.200
2	Phân bón NPK 16:16:8	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng viên; quy cách 25 kg/bao - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng. + Đạm tổng số (N_{ts}): 16% + Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16% + Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8% + Độ ẩm: $\leq 5\%$ 	2.702	18.400	49.716.800
3	Phân bón hữu cơ sinh học	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng bột; quy cách 25 kg/bao. - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng. + Chất hữu cơ : $\geq 22\%$ + Axit humic (C): $\geq 2\%$ + pH_{H_2O}: ≥ 5 + Độ ẩm: $\leq 30\%$ 	9.650	8.000	77.200.000

4	Phân hữu cơ	Kg	- Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng bột; quy cách 25kg/bao. - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng. + Chất hữu cơ: $\geq 22\%$ + Đạm N_{ts} : 2,5 % + Tỷ lệ C/N: ≤ 12 + Độ ẩm: $\leq 30\%$.	19.500	10.120	197.340.000
5	Phân bón hữu cơ vi sinh	Kg	- Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng bột; quy cách 25 kg/bao hoặc 50kg/bao. - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng. + Chất hữu cơ: $\geq 15\%$ + pHH2O: ≥ 5 + Độ ẩm: $\leq 30\%$. + VSV cố định đạm Azotobacter sp: $\geq 1 \times 10^6$ CFU/g + VSV phân giải xen-lu-lô (Trichoderma sp.): $\geq 1 \times 10^6$ CFU/g...	20.160	7.360	148.377.600
6	Phân bón NPK 20-12.6-8.18	Kg	- Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng viên; quy cách 25 kg/bao hoặc 50kg/bao. - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng: + Đạm tổng số (Nts): 20% + Lân hữu hiệu (P205hh): 12.16% + Kali hữu hiệu (K20hh): 8.18% + Lưu huỳnh (S): 2.16% + Silic oxit (SiO2): 1.26% + Bổ sung thêm các nguyên tố vi lượng: Bo(B), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Sắt (Fe), Mangan(Mn)...	11.320	23.000	260.360.000
7	Đạm Nitabor	Kg	- Đặc tính, quy cách: Phân bón dạng viên; quy cách 25 kg/bao hoặc 50kg/bao - Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng + Đạm (Nts): $\geq 15,4\%$ (Trong đó Đạm Nitrat (NO3-): $\geq 14,1\%$; Đạm Amôn (NH4+): $\geq 1,3\%$. + Canxi (Ca0): $\geq 26\%$; + Bo (B): ≥ 3.000 ppm ($\geq 0,3\%$) + Độ ẩm: 0,8 %	1.496	20.240	30.279.040
Tổng giá trị						833.340.640

VII	Gói thầu số 7: Mua lạc giống L14					
1	Giống lạc L14	Kg	- Độ sạch, % khối lượng quả, không nhỏ hơn 99. Quả khác giống có thể phân biệt được, số quả/kg, không lớn hơn 3. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn 70. Độ ẩm, % khối lượng hạt, không lớn hơn 10.	4.246	44.160	187.503.360
Tổng giá trị						187.503.360
Dự toán kinh phí (I+II+III+IV+V+VI+VII)						3.350.287.500

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày /6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			Nguồn ngân sách nhà nước	vốn đối ứng dân					
1	Gói thầu số 1: Mua ong giống thực hiện mô hình phát triển chăn nuôi ong nội theo hướng VietGAHP nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu	232.500.000	232.500.000	0	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Gói thầu số 2: Mua thức ăn hỗn hợp thực hiện mô hình chăn nuôi năm 2022	475.753.500	475.753.500	0	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Gói thầu số 3: Mua con giống thực hiện mô hình thủy sản năm 2022	480.000.000	336.000.000	144.000.000	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Gói thầu số 4: Mua thức ăn công nghiệp thực hiện mô hình thủy sản năm 2022	665.526.000	665.526.000	0	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Gói thầu số 5: Mua giống keo lá tràm mô dòng AA9 và giống trà hoa vàng hom	475.664.000	475.664.000	0	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Gói thầu số 6: Mua phân bón thực hiện mô hình khuyến nông năm 2022	833.340.640	833.340.640	0	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	150 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

7	Gói thầu số 7: Mua lạc giống L14	187.503.360	131.252.352	56.251.008	Chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 6/2022	Trọn gói	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
---	----------------------------------	-------------	-------------	------------	---------------------------------------	------------------------------	--------------	----------	--